

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST

Ngày: 29/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Văn Q, sinh ngày 25/5/1994 tại huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn LX, xã HC, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn K, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Vợ là Ma Thị Ph, sinh năm 1990; Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số: 34/2010/HSST ngày 07/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm án tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, về tội Cướp tài sản.

- Tại Bản án số: 21/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã KA, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt Dương Văn Q 38 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Tại Bản án số: 22/2021/HS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, xử phạt Dương Văn Q 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh An Hồng H, sinh năm 1989. Vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn NT, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Hồng Q1, sinh năm 1973. Vắng mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Số XX đường ND, phường QT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987. Vắng mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Số 3 đường VTP, phường LL, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/4/2020, Dương Văn Q có ký hợp đồng thuê xe 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO loại xe 5 chỗ ngồi, màu sơn đen, BKS: 30E - 420.43 với anh An Hồng H là Phó giám đốc Công ty TNHH dịch vụ vận tải và du lịch DD, có địa chỉ tại số PL, ngõ MK Thái Hà, phường TL, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Anh H yêu cầu Q đặt cọc số tiền thuê xe là 20.000.000 đồng, giá thuê xe theo ngày là 800.000 đồng/ngày, giá thuê xe theo tháng là 15.000.000đ/tháng. Q đưa cho anh H 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) hộ chiếu và chụp ảnh sổ hộ khẩu (bản sao) và chuyển khoản cho anh H số tiền đặt cọc thuê xe là 20.000.000 đồng. Anh H đã giao xe cho Q cùng bản photo đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng kiểm và bảo hiểm xe (bản gốc). Đến ngày 03/5/2020 Q đã trả xe và nhận lại số tiền đặt cọc xe từ anh H. Sau đó, Q còn tiếp tục thuê chiếc xe trên khoảng 3 - 4 lần, đều trả xe và tiền thuê xe đúng thời hạn.

Khoảng 09 giờ ngày 30/7/2020, Q gọi điện thoại cho anh H đặt vấn đề tiếp tục thuê chiếc xe ô tô trên và yêu cầu anh H giao xe tại khu vực Quảng trường thành phố H. Anh H cùng với anh Trần Trọng H1, mang chiếc xe KIA CERATO loại xe 5 chỗ ngồi, màu sơn đen, BKS: 30E - 420.43 đến khu vực Quảng trường thuộc phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên rồi giao xe cho Q cùng 01 (một) bản photo giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 0052462, 01 giấy chứng nhận kiểm định số: 1410789 (bản gốc). Do anh H tin tưởng trước đây Dương Văn Q đã thuê xe nhiều lần và đều trả đúng thời hạn, nên anh H không làm lại hợp đồng mà chỉ sử dụng hợp đồng lập ngày 23/4/2020 và không giữ giấy tờ của Q như các lần thuê xe trước. Q chuyển khoản cho anh H 20.000.000 đồng tiền đặt cọc và thỏa thuận cứ 10 ngày sẽ trả tiền thuê xe qua tài khoản ngân hàng đến khi nào không có nhu cầu thuê nữa sẽ trả xe. Sau khi nhận được xe, do không có tiền tiêu sài Q nảy sinh ý định bán chiếc xe ô tô này. Để việc bán xe được dễ dàng, Dương Văn Q sử dụng điện thoại cá nhân lập một tài khoản Facebook rồi nhắn tin với tài khoản Facebook có tên là: “*làm giấy tờ*” đặt làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký của chiếc xe theo thông tin trên bản photo giấy chứng nhận đăng ký xe mà Q đang giữ với giá 3.000.000 triệu đồng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày Q được một người lái xe ôm Grab (Q không quen biết người này) đưa cho 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 053626 giả tại khu vực Quảng trường thành phố H và Q đã trả cho người xe ôm này số

tiền 3.000.000 đồng. Sau khi có giấy đăng ký xe giả, Q gọi điện thoại cho Nguyễn Văn C đặt vấn đề bán chiếc xe trên. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Q mang chiếc xe trên cùng giấy tờ xe (gồm giấy tờ anh H giao và chiếc đăng ký giả Q đặt làm) đến gặp C, do C không có tiền nên đã đưa Dương Văn Q tới gặp anh Nguyễn Hồng Q1 để hỏi bán xe. Dương Văn Q đưa giấy tờ và đăng ký xe giả cho anh Nguyễn Hồng Q1 xem và nói đây là xe mình mua lại từ chủ trên đăng ký xe, chưa hoàn thiện được giấy tờ, cần tiền muốn bán. Nguyễn Hồng Q1 đồng ý mua. Dương Văn Q đã viết tay một giấy cam kết bán xe ghi ngày 30/7/2020 có nội dung Q bán cho anh Nguyễn Hồng Q1 01 chiếc ô tô KIA CERATO loại xe 5 chỗ ngồi, màu sơn đen, BKS: 30E - 420.43 với giá 500.000.000 đồng. Dương Văn Q đã giao cho anh Nguyễn Hồng Q1 chiếc xe trên cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 053626; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 0052462; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số: 1410789 của chiếc xe ô tô trên. Anh Nguyễn Hồng Q1 trả trước cho Dương Văn Q số tiền là 150.000.000 đồng và hẹn khi nào làm xong giấy tờ sang tên sẽ trả nốt số tiền còn lại. Số tiền bán xe Q đã tiêu sài cá nhân hết.

Hết thời hạn thuê xe, Dương Văn Q gọi điện cho anh H gia hạn thời gian thuê xe đến tháng 15/10/2020 và trả cho anh H số tiền thuê xe là 24.000.000 đồng. Sau khi hết hạn hợp đồng anh H đã nhiều lần gọi điện đòi xe, Q nói với anh H là đã bán xe và tắt máy điện thoại (không sử dụng sim điện thoại đó nữa để Huy không liên lạc được) rồi trốn khỏi địa phương nơi cư trú. Do không đòi được xe nên anh An Hồng H đã làm đơn tố cáo Q có hành vi chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của Nguyễn Hồng Q1: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO loại xe 5 chỗ ngồi, màu sơn đen, BKS: 30E - 420.43, số máy: G3LAFM379453, số khung: 51AAGM316063; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 053626 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 23/02/2017; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS số 0052462, 01 giấy chứng nhận kiểm định số: 1410789 (bản chính); 01 giấy cam kết bán xe đề ngày 30/7/2020.

- 01 (một) hợp đồng cho thuê xe tự lái do Công ty TNHH dịch vụ vận tải và du lịch Dương Dũng lập ngày 23/4/2020.

Tại bản kết luận định giá số 43 ngày 16/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận: “Chiếc xe ô tô BKS: 30E - 420.43 trên có trị giá là 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng)”.

Tại bản kết luận giám định số 27 ngày 07/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: “Chữ ký, chữ viết đứng tên Dương Văn Q dưới mục người bán trên tài liệu giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Dương Văn Q dưới mục người khai với khách hàng ký nhận trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra, ký ra”.

Tại bản kết luận giám định số 28 ngày 11/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: “Đường vân màu đỏ bên trái dưới mục người bán trên giấy cam kết đề ngày 30/7/2020 với chỉ bản số 28 lập ngày 24/02/2010, họ tên Dương Văn Q, sinh năm: 1994, HKTT: Hiệp Cường - Kim Động - Hưng Yên là do cùng một người in ra”.

Tại bản kết luận giám định số 24 ngày 08/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố H kết luận: “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 053626, tên chủ xe: Dương Huy Dũng, xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO, màu đen, BKS: 30E - 420.43 là giả”.

Ngày 29/3/2021, Cơ quan điều tra - Công an thành phố H đã trả lại anh H chiếc xe ô tô BKS: 30E - 420.43 cùng giấy tờ xe.

Ngày 29/3/2021, Cơ quan điều tra - Công an thành phố H đã trả lại chị Nguyễn Thị Thu H2 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 429986 cấp ngày 22/12/2017 do Công an thành phố Hà Nội cấp (đây là mẫu đăng ký phục vụ giám định).

Đối với người mà Dương Văn Q thuê làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 053626, do Q nhắn tin với tài khoản trên bằng tài khoản Facebook, không gặp trực tiếp người nhận làm giả, không biết chủ tài khoản Facebook “làm giấy tờ” là ai. Do đó không có đủ căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với chiếc điện thoại Iphone mà Dương Văn Q sử dụng để lập Facebook liên hệ thuê làm giả Giấy đăng ký xe, Q đã bán cho một người không quen biết và không nhớ đã bán được bao nhiêu tiền.

Đối với người lái xe ôm Grab đã mang chiếc đăng ký giả đến khu vực Quảng trường thành phố H giao cho Dương Văn Q, Q không nhớ được biển kiểm soát xe, đặc điểm của người này. Do đó không có đủ căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với anh Nguyễn Văn C là người giới thiệu Dương Văn Q bán chiếc xe ô tô BKS: 30E - 420.43 và anh Nguyễn Hồng Q1 là người mua xe ô tô trên. Khi mua chiếc xe này anh Nguyễn Hồng Q1 và anh C không biết về nguồn gốc của chiếc xe ô tô BKS: 30E - 420.43 và không biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 053626 là giấy tờ giả. Do đó không có đủ căn cứ xử lý đối với Nguyễn Văn C và Nguyễn Hồng Q1.

Về vấn đề trách nhiệm dân sự:

Anh An Hồng H đã nhận lại xe ô tô BKS: 30E - 420.43 và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Anh Nguyễn Hồng Q1 yêu cầu Dương Văn Q phải trả lại anh số tiền 150.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-TPHY ngày 11/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Dương Văn Q về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 175 và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra bị cáo còn khai chiếc điện thoại di động của bị cáo sử dụng vào việc liên lạc để thuê xe, làm giấy đăng ký xe giả và bán xe, sau khi bán xe xong bị cáo đã bán cho một người không quen biết, không nhớ địa chỉ được 5.000.000 đồng.

- Quan điểm của Kiểm sát viên:

+ Giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng.

+ Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Dương Văn Q phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

+ Về hình phạt:

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 06 năm 6 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội trên buộc bị cáo Dương Văn Q phải chịu hình phạt là 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 BLHS. Tổng hợp hình phạt 38 tháng tù tại Bản án số 21/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã KA, tỉnh Hà Tĩnh và hình phạt 01 năm tù tại Bản án số 22/2021/HS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là 13 năm 08 tháng đến 14 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Dương Văn Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Hồng Q1 số tiền 150.000.000 đồng. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 7.500.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố H; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với đơn trình báo và lời khai của người bị hại anh An Hồng H, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng Q1, lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Văn C, cùng với vật chứng, tài liệu thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ. Trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận: Ngày 30/7/2020 Dương Văn Q đã thuê của anh An Hồng H 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO loại xe 5 chỗ ngồi, màu sơn đen, BKS: 30E - 420.43 với giá thuê là 800.000 đồng/ngày, giá thuê xe theo tháng là 15.000.000đ/tháng. Sau khi thuê được xe Q đã nảy sinh ý định bán chiếc xe để lấy tiền tiêu sài nên đã thuê người làm giả Giấy đăng ký xe. Q đã mang bán chiếc xe ô tô cùng Giấy đăng ký xe giả cho anh Nguyễn Hồng Q1 ở số nhà XX, đường ND, phường QT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên lấy số tiền 150.000.000 đồng rồi bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Hành vi trên của Dương Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, được quy định tại khoản 3 Điều 175 và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo về các tội danh và áp dụng các Điều luật như bản Cáo trạng đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Sau khi thuê được xe ô tô của anh H, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh H để bán lấy tiền tiêu sài. Bị cáo đã thuê làm giấy đăng ký xe giả để thực hiện được ý định của mình. Sau khi bán xe

xong, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương và tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại các địa phương khác và đã bị Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế và Tòa án nhân dân xã KA, tỉnh Hà Tĩnh xét xử bằng các bản án. Bản thân bị cáo đã có một tiền án đã được xóa án tích cũng về tội Trộm cắp tài sản, điều này chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Do vậy cần phải xét xử nghiêm, bắt bị cáo cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Do bị cáo đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh An Hồng H đã nhận lại chiếc xe ô tô và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng Q1 yêu cầu bị cáo phải trả số tiền mua xe anh Q đã trả cho bị cáo. Do vậy bị cáo phải trả cho anh Q số tiền 150.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp Tư pháp:

Đối với 01 Hợp đồng thuê xe tự lái, 01 Giấy cam kết bán xe, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. Đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo sẽ được lưu giữ trong hồ sơ nên không đề cập xử lý.

- Khi thực hiện các hành vi phạm tội, bị cáo đã dùng chiếc điện thoại di động của bị cáo để liên lạc thuê xe ô tô, làm giấy đăng ký xe giả và bán xe, đây là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên phải tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên sau khi phạm tội, bị cáo đã bán cho một người không quen biết, không nhớ địa chỉ được 5.000.000 đồng và đã tiêu sài hết. Do vậy sẽ truy thu của bị cáo số tiền này của bị cáo sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn Q phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn Q 06 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 03 năm 06 tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 năm 06 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 38 tháng tù tại Bản án số 21/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã KA, tỉnh Hà Tĩnh và hình phạt 01 năm tù tại Bản án số 22/2021/HS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là 13 năm 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Dương Văn Q phải trả lại anh Nguyễn Hồng Q1 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Hồng Q1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Q không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải trả nêu trên thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Truy thu của bị cáo Dương Văn Q số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn) sung công quỹ Nhà nước.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Dương Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cộng bằng 7.700.000đ (Bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kết từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. H;
- Công an Tp. H;
- Chính quyền địa phương;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Tp. H;
- Lưu hồ sơ án phạt nhân thân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý